

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ NGÃ NĂM  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/DS-ST.

Ngày: 23-4-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Trúc Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Thái

Bà Đàm Thị Thanh Loan

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tân, thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong các ngày 16 và 23 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 332/2023/TLST-DS, ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP QT.

Địa chỉ: Tầng Tr, Tòa nhà S – 111 A, phường B, Quận M, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Trần Minh P, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

2. Ông Bùi Phúc V (Vắng mặt)

3. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1994 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Tầng S, Tòa nhà P, số HS đường U, phường H, quận B, TP. Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:**

1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm M, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Trần Thị D, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm M, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 28/7/2021 cũng như người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Văn Q trình bày:*

Ngày 19/12/2017, Ngân hàng TMCP QT – Phòng giao dịch NK có ký với ông Lê Văn H và bà Trần Thị D theo Hợp đồng tín dụng số 546.HĐTD.636.17 với nội dung: Số tiền giải ngân 700.000.000 đồng; Mục đích giải ngân thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER; Thời hạn vay 96 tháng, từ ngày 22/12/2017 đến ngày 22/12/2025; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 7,99%/năm, mức lãi suất quy đổi từ cơ sở một năm có 360 ngày sang cơ sở một năm có 365 ngày là 8,10%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay.

Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở công (+) biên độ 3,99%/năm, nếu pháp luật có quy định, mức lãi suất quy đổi từ cơ sở một năm có 360 ngày sang cơ sở một năm có 365 ngày sẽ được xác định theo công thức sau: Lãi suất quy đổi bằng (=) mức lãi suất cho vay với một năm có 360 ngày chia (/) 360 nhân (\*) 365; Hoàn trả khoản vay gốc vào ngày 05 hàng tháng, trả trong 96 tháng, trong 95 tháng đầu mỗi tháng trả 7.292.000 đồng, tháng cuối cùng trả 7.260.000 đồng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 05/01/2017. Hoàn trả lãi vào ngày 05 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 05/01/2017; Trả phí theo quy định của Ngân hàng TMCP QT từng thời kỳ. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ngày 22/12/2017, Ngân hàng TMCP QT đã giải ngân cho ông H, bà D theo đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 546.KUNN.636.17 với số tiền 700.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Ngày 10/01/2019, ông Lê Văn H và bà Trần Thị D có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, Ngân hàng TMCP QT đã phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng là ông Lê Văn H và bà Trần Thị D với hạn mức tín dụng là: 70.000.000 đồng, loại thẻ: MC CR PLACASHBACK, mục đích vay: tiêu dùng. Lãi suất vay: theo quy định của Ngân hàng TMCP QT trong từng thời kỳ quá trình thực hiện hợp đồng ông H, bà D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh nên Ngân hàng yêu cầu ông H, bà D tắt toán khoản vay nhưng ông H, bà D vẫn không thực hiện.

Đồng thời theo hợp đồng thế chấp tài sản số 546.HĐTC.636.17 ngày 19/12/2017, ông Lê Văn H và bà Trần Thị D đã dùng tài sản của mình để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng TMCP QT như sau: xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER, Loại xe: Tải pickup cabin kép; Màu xe: Đỏ vàng; số khung: FF50JW786362; Số máy: P5AT2534901; Biển số: 83A-059.40, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 009042 do ông Lê Văn H đứng tên.

Tính đến ngày 16/4/2024, ông Lê Văn H và bà Trần Thị D đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP QT số tiền là 766.143.775 đồng (Trong đó tiền gốc là 661.352.000 đồng, tiền lãi là 104.791.775 đồng), bao gồm số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo (chiếc xe ô tô tải đã thế chấp). Tính đến ngày 16/4/2024, ông H, bà D còn nợ Ngân hàng TMCP QT số tiền là 573.692.233 đồng, trong đó

gồm có: Nợ gốc Hợp đồng tín dụng số 546.HĐTD.636.17 ngày 19/12/2017 là: 38.647.400 đồng, nợ lãi trong hạn là: 3.435.090 đồng, nợ lãi quá hạn là 293.727.160 đồng. Nợ thẻ tín dụng là: 237.882.583 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP QT yêu cầu buộc ông Lê Văn H và bà Trần Thị D phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền (tính đến ngày 16/4/2024) là 573.692.233 đồng, trong đó gồm có: Nợ gốc Hợp đồng tín dụng số 546.HĐTD.636.17 ngày 19/12/2017 là 38.647.400 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.435.090 đồng, nợ lãi quá hạn là 293.727.160 đồng; nợ thẻ tín dụng là 237.882.583 đồng. Đồng thời Ngân hàng TMCP QT yêu cầu được tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 17/4/2024 cho đến khi ông H và bà D thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký với Ngân hàng TMCP QT.

2/ Đối với các bị đơn ông Lê Văn H, bà Trần Thị D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho các bị đơn biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bị đơn nhưng không có văn bản trả lời, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và cũng không cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả tiền vay tín dụng còn nợ nên HĐXX xác định đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Đồng thời, các bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Các bị đơn ông Lê Văn H, bà Trần Thị D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn trả số tiền nợ gốc tính đến ngày 16/4/2024 là 38.647.400 đồng tiền vay theo hợp đồng tín dụng và 66.389.251 đồng tiền vay thẻ tín dụng:

Nhận thấy, theo hợp đồng tín dụng số 546.HĐTD.636.17 ngày 19/12/2017, giải ngân theo đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 546.KUNN.636.17 ngày 22/12/2017 thì nguyên đơn có cho các bị đơn vay số tiền là 700.000.000

đồng. Mục đích thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER; Thời hạn vay 96 tháng, từ ngày 22/12/2017 đến ngày 22/12/2025; Và theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản, ngày 10/01/2019 vay số tiền 70.000.000 đồng, loại thẻ: MC CR PLACASHBACK, mục đích vay: tiêu dùng.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Cụ thể đến hạn thanh toán nợ gốc nhưng các bị đơn vẫn không trả cho nguyên đơn đã phát sinh nợ quá hạn. Xét thấy, việc các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ gốc như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ các bên thỏa thuận tại 1.5 của Hợp đồng tín dụng.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền nợ gốc tính đến ngày 16/4/2024 là 38.647.400 đồng tiền vay theo hợp đồng tín dụng và tiền nợ vốn thẻ tín dụng là 66.389.251 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi trên tiền vốn gốc còn nợ tính đến ngày 16/4/2024:

Nhận thấy, theo hợp đồng tín dụng số số 546.HĐTD.636.17 ngày 19/12/2017, giải ngân theo đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 546.KUNN.636.17 ngày 22/12/2017 các bên thỏa thuận lãi suất tại thời điểm giải ngân là 7,99%/năm, mức lãi suất quy đổi từ cơ sở một năm có 360 ngày sang cơ sở một năm có 365 ngày là 8,10%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở công (+) biên độ 3,99%/năm, nếu pháp luật có quy định, mức lãi suất quy đổi từ cơ sở một năm có 360 ngày sang cơ sở một năm có 365 ngày sẽ được xác định theo công thức sau: Lãi suất quy đổi bằng (=) mức lãi suất cho vay với một năm có 360 ngày chia (/) 360 nhân (\*) 365, hoàn trả lãi vào ngày 05 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 05/01/2017; Trả phí theo quy định của Ngân hàng TMCP QT từng thời kỳ. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Xét thấy, theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và hướng dẫn tại Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nên đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi suất theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, tiền lãi theo bảng tổng hợp gốc lãi đến ngày 16/4/2024 do nguyên đơn cung cấp cụ thể lãi suất được tính như sau: Tiền vốn gốc vay tín dụng là 38.647.400 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.435.090 đồng, tiền lãi quá hạn 293.727.160 đồng và tiền nợ vốn thẻ tín dụng là 66.389.251 đồng, nợ lãi là 47.358.349 đồng, nợ phí là 124.134.983 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét về tài sản thế chấp, thì thấy:

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, các bị đơn đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 546.HĐTC.636.17 ngày 19/12/2017, dùng tài sản của mình để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng TMCP QT như sau: xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER, Loại xe: Tải pickup cabin kép; Màu xe: Đỏ vàng; số khung: FF50JW786362; Số máy: P5AT2534901; Biển số: 83A-059.40, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 009042 do ông Lê Văn H đứng tên thế chấp cho Ngân hàng TMCP QT để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên vào ngày 11/7/2022 ông Lê Văn H đã tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER nêu trên cho Ngân hàng để xử lý, thu hồi nợ, đồng thời căn cứ vào Thông báo số 084869.23 ngày 27/6/2023 của nguyên đơn thì số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo, sau khi trừ đi các chi phí phát sinh là 505.720.600 đồng, số tiền này được trừ vào số nợ vốn gốc vay tín dụng của các bị đơn. Do phía nguyên đơn không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ vì đã xử lý xong, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết về xử lý tài sản thế chấp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ nêu trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227 ; khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 299; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP QT.

Buộc các bị đơn ông Lê Văn H và bà Trần Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP QT tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 16/4/2024 là 573.692.233 đồng (trong đó gồm có: Nợ gốc Hợp đồng tín dụng là 38.647.400 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.435.090 đồng, nợ lãi quá hạn là 293.727.160 đồng và nợ thế tín dụng là 237.882.583 đồng, trong đó tiền nợ vốn thế tín dụng là 66.389.251 đồng, nợ lãi là 47.358.349 đồng, nợ phí là 124.134.983).

Kể từ ngày 17/4/2024 cho đến khi ông Lê Văn H và bà Trần Thị D thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP QT, thì hàng tháng ông Lê Văn H và bà Trần Thị D còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc các bị đơn ông Lê Văn H và bà Trần Thị D phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 26.947.500 đồng.

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP QT không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP QT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.604.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011917 ngày 01/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

### **Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Trúc Phương**